TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1667/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2017
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Đức Kiền

Ông Nguyễn Ngọc Hòa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 435/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/9/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2760/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Đường B, Ấp 2, xã X, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1968 (xin vắng mặt).

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 450 West Central Ave, Apt # 308 Tracy, CA 95376 USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và Bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông và bà Lê Thị Ngọc L đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83 Quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/4/2003. Sau khi kết hôn, hai bên sống chung được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tháng 03/2015 ông và bà L sống ly thân và bà L trở về Hoa Kỳ, ông ở lại Việt Nam. Sau khi bà L trở về Hoa Kỳ, vợ chồng không liên

lạc với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xin được vắng mặt khi tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai và Đơn xin vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Ngọc L trình bày:

Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn B vì hai bên sống xa cách, tình cảm không còn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xin được vắng mặt khi tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị Ngọc L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị Ngọc L.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị Ngọc L tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83 Quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/4/2003 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Lê Thị Ngọc L định cư ở Hoa Kỳ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không quan tâm nhau. Nay ông Nguyễn Văn B xác nhận không còn tình cảm với bà Lê Thị Ngọc L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, về phía bà Lê Thị Ngọc L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn B. Điều này cho thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của ông Nguyễn Văn B xin ly hôn bà Lê Thị Ngọc L là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí:

Ông Nguyễn Văn B là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị Ngọc L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 83 Quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/4/2003 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn B chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0047732 ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Uyên